



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ II

Năm 2013



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu CBTT-03

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(QUÍ II NĂM 2013)

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	30/06/2013	01/01/2013
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	727.819.493.085	747.081.796.641
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	186.640.254.835	222.128.381.716
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	19.734.052.543	12.882.052.543
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	191.582.928.920	229.518.139.126
4	Hàng tồn kho	294.784.426.998	250.708.828.148
5	Tài sản ngắn hạn khác	35.077.829.789	31.844.395.108
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.965.979.637.918	1.967.497.112.755
1	Các khoản phải thu dài hạn	9.073.598.258	10.243.477.357
2	Tài sản cố định	685.807.476.334	678.150.706.078
	- Tài sản cố định hữu hình	125.021.320.286	136.942.499.397
	- Tài sản cố định thuê tài chính	2.409.012.378	2.843.865.888
	- Tài sản cố định vô hình	45.074.351.911	45.755.313.252
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	513.302.791.759	492.609.027.541
3	Bất động sản đầu tư	787.275.954.641	789.761.318.322
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo chiến lược kinh doanh	396.789.607.035	392.762.709.744
5	Tài sản dài hạn khác	87.033.001.650	96.578.901.254
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.693.799.131.003	2.714.578.909.396
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.786.923.162.534	1.812.117.315.097
1	Nợ ngắn hạn	933.928.400.366	908.774.572.171
2	Nợ dài hạn	852.994.762.168	903.342.742.926
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	727.997.109.794	733.037.908.229
1	Vốn chủ sở hữu	727.997.109.794	733.037.908.229
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249.955.730.000	249.955.730.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	317.064.858.303	317.064.858.303
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(690.474.358)	(690.474.358)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.093.483.305	5.093.483.305
	- Các quỹ	37.052.176.575	36.521.231.221
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	119.521.335.969	125.093.079.758
	- Vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đa hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	178.878.858.675	169.423.686.070
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.693.799.131.003	2.714.578.909.396



SAIGON

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(QUÝ II NĂM 2013)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012	Lấy kế	
				2013	2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.597.537.793.905	1.132.243.989.793	2.972.084.690.893	2.281.412.939.296
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5.508.896.436	874.343.306	8.981.881.975	5.012.002.502
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.592.028.897.469	1.131.369.646.487	2.963.102.808.918	2.276.400.936.794
4	Giá vốn hàng bán	1.495.697.391.878	1.044.311.658.621	2.765.851.878.858	2.084.567.764.748
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.331.505.591	87.057.987.866	197.250.930.060	191.833.172.046
6	Doanh thu hoạt động tài chính	11.534.745.780	4.794.067.220	15.450.980.415	12.774.336.151
7	Chi phí tài chính	22.454.667.664	46.766.688.822	47.151.559.239	98.639.926.413
8	Chi phí bán hàng	39.523.348.921	40.845.818.342	77.367.802.853	85.229.656.044
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.527.916.103	29.280.792.157	68.701.463.875	62.442.193.933
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.360.318.683	(25.041.244.235)	19.481.084.508	(41.704.268.193)
11	Thu nhập khác	21.199.527.822	49.425.763.187	30.671.084.964	74.875.250.371
12	Chi phí khác	2.681.674.971	4.755.223.504	3.696.960.323	9.976.113.395
13	Lợi nhuận khác	18.517.852.851	44.670.539.683	26.974.124.641	64.899.136.976
14	Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	(2.110.727.610)	(553.753.541)	512.628.639	593.704.133
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.767.443.924	19.075.541.907	46.967.837.788	23.788.572.916
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.050.001.038	1.301.104.307	12.253.630.856	3.032.949.003
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (18 = 15 - 16 - 17)	21.717.442.886	17.774.437.600	34.714.206.932	20.755.623.913
19	Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	6.974.218.269	(5.144.260.622)	13.690.551.233	(3.951.296.699)
20	Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ (20 = 18 - 19)	14.743.224.617	22.918.698.222	21.023.655.699	24.706.920.612
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	590	918	842	989
22	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 24 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TA PHƯỚC ĐẠT



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi

bổ sung theo thông tư số 244/2009/TT-BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		727.819.493.085	747.081.796.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		186.640.254.835	222.128.381.716
1. Tiền	111	D1	88.505.564.835	102.304.749.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		98.134.690.000	119.823.632.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	19.734.052.543	12.882.052.543
1. Đầu tư ngắn hạn	121		61.453.240.043	54.802.052.543
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(41.719.187.500)	(41.920.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.582.928.920	229.518.139.126
1. Phải thu khách hàng	131		136.915.088.130	129.633.958.381
2. Trả trước cho người bán	132		20.713.840.174	33.607.945.565
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	34.495.621.809	66.817.856.373
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(541.621.193)	(541.621.193)
IV. Hàng tồn kho	140		294.784.426.998	250.708.828.148
1. Hàng tồn kho	141	D4	298.266.063.410	254.292.384.761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.481.636.412)	(3.583.556.613)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.077.829.789	31.844.395.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.621.210.427	5.490.505.593
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.947.028.348	7.738.213.381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	39.637.740	146.198.012
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		22.469.953.274	18.469.478.122
			-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.965.979.637.918	1.967.497.112.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.073.598.258	10.243.477.357
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	9.073.598.258	10.243.477.357
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		685.807.476.334	678.150.706.078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	125.021.320.286	136.942.499.397
- Nguyên giá	222		191.963.091.712	197.565.257.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.941.771.426)	(60.622.758.049)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	2.409.012.378	2.843.865.833

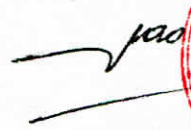
- Nguyên giá	225		5.280.483.547	5.280.483.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.871.471.169)	(2.436.617.659)
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	45.074.351.911	45.755.313.252
- Nguyên giá	228		53.294.671.840	53.234.671.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.220.319.929)	(7.479.358.588)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	513.302.791.759	492.609.027.541
III. Bất động sản đầu tư	240	D12	787.275.954.641	789.761.318.322
- Nguyên giá	241		862.986.733.162	852.876.235.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(75.710.778.521)	(63.114.916.840)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		396.789.607.035	392.762.709.744
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	93.020.749.224	92.508.120.585
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	316.655.909.507	313.846.191.920
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.887.051.696)	(13.591.602.761)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		87.033.001.650	96.578.901.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	52.325.925.523	58.368.910.916
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		4.435.223.646	4.435.223.646
3. Tài sản dài hạn khác	268		30.271.852.481	33.774.766.692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.693.799.131.003	2.714.578.909.396
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.786.923.162.534	1.812.117.315.097
I. Nợ ngắn hạn	310		933.928.400.366	908.774.572.171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	447.157.888.952	443.331.700.741
2. Phải trả người bán	312		75.509.928.911	123.557.324.741
3. Người mua trả tiền trước	313		144.903.672.703	111.015.570.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	37.154.305.050	38.022.554.914
5. Phải trả người lao động	315		48.421.808.288	52.890.709.012
6. Chi phí phải trả	316	D19	33.032.596.626	33.272.350.669
7. Tài trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	145.339.406.917	100.034.371.577
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.408.792.919	6.649.990.345
II. Nợ dài hạn	330		852.994.762.168	903.342.742.926
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	181.468.580.929	218.497.259.192
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	544.517.169.822	560.910.473.936
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		127.009.011.417	123.935.009.798

9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		727.997.109.794	733.037.908.229
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	727.997.109.794	733.037.908.229
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(690.474.358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	5.093.483.305
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.810.185.517	18.718.976.700
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		18.241.991.058	17.802.254.521
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		119.521.335.969	125.093.079.758
- Điều chỉnh BCKQKD			-	-
- Điều chỉnh đầu kỳ			-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		178.878.858.675	169.423.686.070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2.693.799.131.003	2.714.578.909.396

Người lập


Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ THẢO

Ngày 24 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


TẠ PHƯỚC ĐẠT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2013	Quý II/2012	Lũy kế	
					2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	1.597.537.793.905	1.132.243.989.793	2.972.084.690.893	2.281.412.939.296
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.508.896.436	874.343.306	8.981.881.975	5.012.002.502
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.592.028.897.469	1.131.369.646.487	2.963.102.808.918	2.276.400.936.794
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	1.495.697.391.878	1.044.311.658.621	2.765.851.878.858	2.084.567.764.748
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.331.505.591	87.057.987.866	197.250.930.060	191.833.172.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	11.534.745.780	4.794.067.220	15.450.980.415	12.774.336.151
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	22.454.667.664	46.766.688.822	47.151.559.239	98.639.926.413
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.863.353.983	43.062.852.327	47.304.542.981	92.288.766.740
8. Chi phí bán hàng	24		39.523.348.921	40.845.818.342	77.367.802.853	85.229.656.044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.527.916.103	29.280.792.157	68.701.463.875	62.442.193.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.360.318.683	(25.041.244.235)	19.481.084.508	(41.704.268.193)
11. Thu nhập khác	31		21.199.527.822	49.425.763.187	30.671.084.964	74.875.250.371
12. Chi phí khác	32		2.681.674.971	4.755.223.504	3.696.960.323	9.976.113.395
13. Lợi nhuận khác	40		18.517.852.851	44.670.539.683	26.974.124.641	64.899.136.976
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		(2.110.727.610)	(553.753.541)	512.628.639	593.704.133
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		28.767.443.924	19.075.541.907	46.967.837.788	23.788.572.916
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		7.050.001.038	1.301.104.307	12.253.630.856	3.032.949.003
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		21.717.442.886	17.774.437.600	34.714.206.932	20.755.623.913
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		6.974.218.269	(5.144.260.622)	13.690.551.233	(3.951.296.699)
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		14.743.224.617	22.918.698.222	21.023.655.699	24.706.920.612
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D30	590	918	842	989

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Phong

HOÀNG THỊ THẢO



TÀ PHƯỚC ĐẠI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng/2013	06 tháng/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.967.837.788	23.788.572.916
2. Điều chỉnh cho các khoản				-
- Khấu hao TSCĐ	02		24.053.306.858	22.905.938.534
- Các khoản dự phòng	03		(1.007.283.766)	(14.731.943.328)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.284.615.692)	11.929.007.567
- Chi phí lãi vay	06		47.304.542.981	92.288.766.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.033.788.169	136.180.342.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		41.021.002.673	(103.053.555.454)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.973.678.649)	5.065.027.476
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35.926.067.196)	(27.815.413.173)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.925.881.563	(11.220.493.412)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(48.189.309.621)	(92.805.325.575)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.595.367.791)	(8.450.431.798)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(511.268.840)	(2.437.032.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.784.980.308	(104.536.881.593)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.428.855.283)	(87.212.529.716)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.205.272.729	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.474.597.444)	(22.441.899.546)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		461.735.109	39.340.183.060
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.495.949.329	9.409.509.862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.740.495.560)	(60.904.736.340)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			1.020.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.211.557.323.795	1.558.385.987.430
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.224.124.439.698)	(1.352.892.474.774)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.965.495.726)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.532.611.629)	206.513.512.656
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(35.488.126.881)	41.071.894.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		222.128.381.716	112.173.337.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		186.640.254.835	153.245.232.697

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thanh Phong


HOÀNG THỊ THẢO
BCLCTTHN (06 tháng)

TA PHƯỚC DAT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ II NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.
- 4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**
 1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
 3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
 5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
 7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 8. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn
 - Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
- 10. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 99%
- 11. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Savico Mekong (từ 31/03/2012)
 - Địa chỉ: 55-55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
- 12. Công Ty TNHH Savico Vĩnh Long (từ 31/03/2012)
 - Địa chỉ: 291 Ấp An Nhơn, Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
- 5. **Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:**
 - 1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
 - 2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
 - 3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
 - 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
 - 5. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
 - 6. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội
 - Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền		
Tiền mặt	11.283.093.993	8.469.381.004
Tiền gửi ngân hàng	77.222.470.842	93.043.379.985
Tiền đang chuyển	-	791.988.727
Cộng	88.505.564.835	102.304.749.716
D2. Đầu tư ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.453.240.043	54.802.052.543
- Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	6.000.000.0000	
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(41.719.187.500)	(41.920.000.000)
Cộng	19.734.052.543	12.882.052.543

Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 30/06/2013		Danh mục tại 01/01/2013	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
2	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
3	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3.000.000.000
4	Cty CP CK Phương Đông (ORS)	2.400.000	31.500.000.000	2.400.000	31.500.000.000
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	87.000	638.100.000		
6	Cty CP Sách Giáo Dục tại Hà Nội	1.500	13.087.500	-	-
7	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng (HPC)	812	2.052.543	812	2.052.543
Tổng cộng		3.279.312	55.453.240.043	3.190.812	54.802.052.543

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	
- Phải thu khác (*)	34.495.621.809	66.817.856.373
Cộng	34.495.621.809	66.817.856.373

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	13.861.800	1.673.255.245
- Nguyên liệu, vật liệu	6.281.816.008	27.344.587.718

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công cụ, dụng cụ	131.218.800	-
- Chi phí SX, KD dở dang	2.995.160.453	1.666.882.916
- Thành phẩm	162.176.770	331.611.805
- Hàng hóa	288.486.129.446	223.080.346.944
- Hàng gửi đi bán	195.700.133	195.700.133
Cộng giá gốc hàng tồn kho	298.266.063.410	254.292.384.761

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Các khoản phải thu Nhà nước	39.637.740	146.198.012
Cộng	39.637.740	146.198.012

D6. Phải thu dài hạn nội bộ**D7. Phải thu dài hạn khác**

- + Phải thu vốn góp kinh doanh Siêu thị Co.op Phan Văn Trị của Cty Đông Đô Thành: 4.639.903.993đ
- + Phải thu thuế VAT tài sản thuê tài chính: 88.073.018đ
- + Khoản phải thu khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền: 4.345.621.247đ

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	120.700.805.907	44.450.506.543	23.856.499.050	8.557.445.946	197.565.257.446
Mua trong kỳ	28.972.727	1.447.243.119	1.289.921.729	218.665.999	2.984.803.574
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	12.000.000	12.000.000
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(62.527.534)	(944.626.229)	(3.160.246.802)	(48.578.601)	(4.215.979.166)
Giảm khác	(37.943.091)	(2.241.437.416)	(722.629.524)	(1.380.980.111)	(4.382.990.142)
Số cuối kỳ	120.629.308.009	42.711.686.017	21.263.544.453	7.358.553.233	191.963.091.712
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.942.546.942	22.589.384.234	7.810.224.376	3.280.602.497	60.622.758.049
Khấu hao trong kỳ	4.056.310.961	3.788.896.709	1.737.524.541	704.472.539	10.287.204.750
Giảm trong kỳ	(8.851.929)	(1.412.474.533)	(270.418.757)	(671.218.343)	(2.362.963.562)
Số cuối kỳ	30.951.885.146	24.742.110.301	7.977.545.978	3.270.230.001	66.941.771.426
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	93.758.258.965	21.861.122.309	16.046.274.674	5.276.843.449	136.942.499.397
Số cuối kỳ	89.677.422.863	17.969.575.716	3.285.998.475	4.088.323.232	125.021.320.286

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.725.773.271đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.280.483.547	-	5.280.483.547
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	5.280.483.547	-	5.280.483.547
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.436.617.659	-	2.436.617.659
Khấu hao trong kỳ	434.853.510	-	434.853.510
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	2.871.471.169	-	2.871.471.169
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.843.865.888	-	2.843.865.888
Số cuối kỳ	2.409.012.378	-	2.409.012.378

D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	2.113.978.350	53.234.671.840
Tăng trong kỳ	-	60.000.000	60.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	51.120.693.490	2.173.978.350	53.294.671.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.105.384.016	1.373.974.572	7.479.358.588
Khấu hao trong kỳ	438.350.256	302.611.085	740.961.341
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.543.734.272	1.676.585.657	8.220.319.929
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.015.309.474	740.003.778	45.755.313.252
Số cuối kỳ	44.576.959.218	497.392.693	45.074.351.911

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Dự án	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chuyển TSCĐ/BĐSDT	Số cuối kỳ
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	8.915.140.103	1.118.954.547	-	10.034.094.650
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	120.042.557.620	11.253.714.533	-	131.296.272.153
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	59.952.224.430	1.825.385.386	-	61.777.609.816
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang	23.061.225.305	46.346.678	-	23.107.571.983
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.666.839.566	-	-	10.666.839.566
Dự án Quốc Lộ 13	198.442.326.757	3.602.814.297	-	202.045.141.054
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	71.008.032.904	2.796.548.777	-	73.804.581.681
Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	-	50.000.000	-	50.000.000
Chi nhánh Sài Gòn Ngôi Sao tại Cần Thơ	286.527.273	-	-	286.527.273
Cộng	492.609.027.541	20.693.764.218	-	513.302.791.759

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

- + Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng: Hoàn tất thi công tường vây, cọc nhồi; đang lựa chọn nhà thầu thi công phần thân.
- + Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước: Thi công hạ tầng Khu dân cư – hệ thống hố ga và cống thoát nước – hoàn thành 95%.
Đã thu góp vốn đối với 31 nền khu nhà liên kế; tiếp tục xúc tiến tiếp thị phần nền liên kế còn lại và dự kiến giao nền cho khách trong quý 3/2013.
- + Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng: Hoàn thành xây villa mẫu; thực hiện 50% khối lượng hạ tầng dự án.
Hoàn thành thiết kế khách sạn và villa; Tiếp tục xúc tiến quảng bá, tiếp thị để bán thêm các biệt thự.
- + Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc: Tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
- + Dự án 104 Phổ Quang: Thực hiện xin chủ trương của UBND TPHCM về chuyển đổi công năng của dự án sang đất ở và thương mại dịch vụ. Tiếp tục đàm phán, hợp tác với Sài Gòn Ford khai thác trung tâm ô tô.
- + Dự án 66-68 NKKN: Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để mời đối tác đầu tư.
- + Dự án Quốc lộ 13: Đang tiếp tục triển khai tìm đối tác hợp tác hoặc chuyển nhượng.
- + Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng: Hoàn thành đường giao thông nội bộ của dự án. Kết chuyển một phần sang BĐS đầu tư và đã chuyển nhượng 23 nền, trong tổng số 39 nền. Tiếp tục triển khai bán 16 nền và kêu gọi hợp tác đầu tư các khu đất còn lại.
- + Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng: Đang thực hiện thẩm định giá dự án.
- + Chi nhánh Sài Gòn Ngôi Sao tại Cần Thơ: Đang xây dựng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D12. Bất động sản đầu tư**

<i>Khoản mục</i>	<i>Số dư đầu 2013</i>	<i>Tăng trong 2013</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số dư 30/06/2013</i>
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà	852.876.235.162	12.223.207.858	2.112.709.858	862.986.733.162
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	63.114.916.840	12.595.861.681	-	75.710.778.521
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Nhà	789.761.318.322	12.223.207.858	14.708.571.539	787.275.954.641

D13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	33.312.000.000	33.312.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Sạch Vực Sài Gòn	3.026.885.279	3.026.885.279
Công ty TNHH TM Dịch Vụ Tổng Hợp Savico-Mekong	1.530.000.000	1.530.000.000
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	2.295.000.000	2.295.000.000
Cộng	157.072.107.279	157.072.107.279

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	-	33.013.043.181	-	33.812.944.178
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	44.551.291.723	2.057.085	44.506.124.407
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	-	1.849.159.154	-	2.132.040.771
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	604.050	9.421.852.772	604.050	7.878.707.936
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.034.374.248	240.000	1.034.374.248
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	-	3.151.028.146	-	3.143.929.045
Cộng		93.020.749.224		92.508.120.585

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	38.862.950.000	38.862.950.000
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	269.159.077.915	266.349.360.328
- Đầu tư dài hạn khác	8.633.881.592	8.633.881.592
Cộng	316.655.909.507	313.846.191.920

- Thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Theo lĩnh vực tài chính					
1	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
2	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
3	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
4	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
Theo lĩnh vực dịch vụ thương mại					
1	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
2	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
3	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	677.250	6.772.500.000	677.250	6.772.500.000
4	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
5	Cty CP TM BếnThành (TSC)	182.129	3.289.960.000	151.202	3.289.960.000
Tổng cộng		3.554.953	38.862.950.000	3.524.026	38.862.950.000

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	01/01/2013	Tăng/Giảm trong kỳ	30/06/2013	Ghi chú
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	1.081.390.087	42.436.996.276	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự án Khu biệt thự sinh thái Long Hòa - Cần Giờ	58.366.637.098	20.355.456	58.386.992.554	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%. Đã nộp tiền sử dụng đất.
Dự án cao ốc Khahomex – Savico 56 Bến Vân Đồn	82.245.761.241	1.757.972.044	84.003.733.285	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%. Hoàn tất phần móng và 2 tầng hầm. Đang thực hiện chuyển công năng sang căn hộ bán.
Dự án 9 - 15 Lê Minh Xuân	792.176.070	-	792.176.070	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu.
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Tân Phú	689.179.730	-	689.179.730	Đã ký các thỏa thuận 03 bên về hợp tác đầu tư trung tâm tiệc cưới tại dự án 1014B. Tiến hành chọn đơn vị tư vấn thiết kế và quản lý kinh doanh.
Dự án 115 – 117 Hồ Tùng Mậu (Cty TNHH Savico – Vinaland)	82.850.000.000	-	82.850.000.000	Thực hiện dự án cùng với Vinaland Ltd.Co. Dự án trong giai đoạn chuẩn bị khởi công.
Dự án KDL sinh thái Cần Giờ	50.000.000	(50.000.000)	-	Dự án không thực hiện. Đã thu hồi tiền và thanh lý.
Cộng	266.349.360.328	2.859.990.587	269.159.077.915	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phân bổ dài hạn (sửa chữa nhỏ, các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án tại Phan Văn Trị, Gò Vấp (Co-op Mart): 22.262.005.131 đồng.

Chi phí sửa chữa tại văn phòng Công ty TNHH Đông Đô Thành: 1.419.755.023 đồng

Chi phí phân bổ CCDC tại Cty Sài Gòn Ford: 434.785.471 đồng

Chi phí phân bổ (chi phí sửa chữa TSCĐ và phân bổ CCDC) tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 106.375.417 đồng.

Chi phí tư vấn, thiết kế, xây dựng, sửa chữa showroom và phân bổ CCDC của Công ty Ô tô Thành Phố : 2.151.877.006 đồng.

Trả trước tiền thuê đất cho công ty TNHH Thiên Hà của Công ty TOYOTA Giải Phóng: 5.494.533.560 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) Đại lý TOYOTA Pháp Vân, Hà Nội: 342.434.751 đồng.

Chi phí xây dựng Showroom mới và tiền thuê mặt bằng tại Hải Thượng Lãn Ông của công ty TNHH Sài Gòn Phương Nam – Công ty con của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao: 3.962.301.089 đồng

Chi phí sửa chữa Showroom của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con: 239.028.427 đồng.

Chi phí môi giới khách thuê tại trung tâm thương mại Mega Mall của Công ty CP Savico Hà Nội: 4.172.000.001 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng, nhà xưởng... tại Công ty CP Savico Hà Nội và Cty Toyota Long Biên: 7.576.137.972 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa, cải tạo các chi nhánh và chi phí công cụ dụng cụ tại Savico Mekong: 1.569.677.899 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng... của Công ty Savico Vĩnh Long : 948.642.712 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	12.940.000.000	9.492.990.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	4.946.000.000	3.295.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	34.812.169.424	36.187.759.502
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	47.000.000.000
Ngân hàng HSBC	71.634.797.800	67.040.562.323
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	20.000.000.000	34.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	1.326.861.000	12.689.300.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	27.947.720.000	24.340.805.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	1.749.475.000	5.386.802.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	1.633.590.000	2.415.780.000
Ngân hàng Sumitomo	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Hà Nội)	29.886.000.000	16.468.000.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	146.000.000.000	93.000.000.000
Ngân hàng ANZ	45.181.750.800	31.529.365.920
Ngân hàng MIZUHO HCM	5.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Đông Á	687.000.000	2.570.000.000
Đối tượng khác	2.985.000.000	2.580.000.000
Ngân hàng HD	-	1.169.727.272
Cộng vay ngắn hạn	411.730.364.024	404.166.092.017
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Hà Nội)	3.000.000.000	8.528.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	5.224.000.000	5.224.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	14.662.272.828	12.440.047.828
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Cần Thơ)	9.172.960.000	8.800.960.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	46.800.000	93.600.000
Ngân hàng EXIMBANK	2.685.736.000	2.685.736.000
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	452.006.100	904.014.900
Ngân hàng UOB	183.750.000	489.249.996
Công ty cho thuê tài chính ACB	-	-
Cộng vay dài hạn đến hạn	35.427.524.928	39.165.608.724
Vay và nợ ngắn hạn	447.157.888.952	443.331.700.741

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	4.129.793.402	8.471.654.276

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.426.238.053	17.767.974.988
- Thuế thu nhập cá nhân	3.172.266.882	3.833.231.140
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.377.977.731	-
- Thuế khác	48.028.982	7.949.694.510
Cộng	37.154.305.050	38.022.554.914

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	26.221.443.522	23.100.958.535
- Trích trước lãi sử dụng vốn	3.838.423.904	4.723.190.544
- Trích trước khác (*)	2.972.729.200	5.448.201.590
Cộng	33.032.596.626	33.272.350.669

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí hoa hồng bán xe và dịch vụ, chi phí lãi vay & phí bảo lãnh vay vốn của Sumitomo, chi phí kiểm toán... của Công ty TOYOTA Giải Phóng: 2.704.853.121 đồng.

+ Chi phí hoa hồng, chi phí khuyến mãi, chi phí kiểm toán... của Công ty Ô tô Thành Phố: 267.876.079 đồng.

D20. Phải trả phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	999.300.940	859.158.052
- Bảo hiểm xã hội	1.389.229.776	957.692.967
- Bảo hiểm y tế	463.775.923	299.779.836
- Bảo hiểm thất nghiệp	34.484.891	10.852.600
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.591.250.000	1.161.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.861.365.387	96.745.188.122
Cộng	145.339.406.917	100.034.371.577

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận vốn góp vào Dự án Quốc lộ 13	26.598.400.000	27.098.400.000
Nhận ký quỹ vào Dự án 277-279LTT	42.046.303.499	40.663.177.064
Thu của ThuDucHouse từ Dự án Bình An	19.532.917.434	19.532.917.434
Thu cọc từ Dự án 104 Phổ Quang	14.549.119.468	14.578.200.000
Khoản nhận góp vốn Dự án Phan Văn Trị	18.244.702.661	19.543.449.592
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.497.137.867	97.081.115.102
Cộng	181.468.580.929	218.497.259.192

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D22. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	323.671.992.805	323.672.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	18.162.000.000	20.774.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	75.615.974.368	82.947.110.782
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	16.128.580.795	20.901.060.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	9.395.721.890	10.738.589.890
Ngân hàng Techcombank	155.600.000	155.600.000
Ngân hàng UOB	61.250.000	396.062.505
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	543.191.119.858	559.584.423.972
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	1.326.049.964	1.326.049.964
Công ty cho thuê tài chính ACB	-	-
Cộng vay và nợ dài hạn	544.517.169.822	560.910.473.936

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23. Vốn chủ sở hữu*****D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.684.019.711	17.685.506.194	133.184.818.876	740.977.942.031
Phát hành cổ phiếu trong năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	-	-	-	44.845.182.622	44.845.182.622
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	1.139.119.795	942.924.449	(2.082.044.244)	-
Cổ tức chia 2012	-	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.708.914.906)	(9.708.914.906)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(3.682.702.090)	(3.682.702.090)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.104.162.806)	(826.176.122)	-	(1.930.338.928)
Số dư 31/12/2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229
Số dư 01/01/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229
Phát hành cổ phiếu trong năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	21.023.655.699	21.023.655.699
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	91.208.817	439.736.537	-	530.945.354
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.619.892.488)	(1.619.892.488)
Số dư 30/06/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.810.185.517	18.241.991.058	119.521.335.969	727.997.109.794

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	101.928.230.000	101.928.230.000
Vốn góp của các cổ đông	148.027.500.000	148.027.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận***Vốn đầu tư của chủ sở hữu:***

Vốn góp đầu kỳ 249.955.730.000

Vốn góp tăng trong kỳ -

Vốn góp giảm trong kỳ -

Vốn góp cuối kỳ 249.955.730.000***Phân phối cổ tức:***

- Đại Hội ĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 05/4/2013 đã thông qua tỉ lệ chi trả cổ tức cho năm 2012 là 10% trên mệnh giá.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23.4. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.975.507	24.975.507

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

+ Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

+ Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
D26. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	1.476.507.510.059	978.823.706.052
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.030.283.846	153.420.283.741
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	20.688.500	20.194.400
- Hàng bán bị trả lại	5.485.363.636	853.472.727
- Giảm giá hàng bán	2.844.300	676.179
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.592.028.897.469	1.131.369.646.487
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.470.998.613.623	977.949.362.746
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	121.030.283.846	153.420.283.741
D27. Giá vốn hàng bán		
	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.403.841.777.340	924.701.928.702
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	91.855.614.538	119.522.434.307
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		87.295.612
Cộng	1.495.697.391.878	1.044.311.658.621
D28. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,034,508,943	113.504.886
Lãi, cổ tức được chia	4,987,128,170	2.067.626.345
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	14,655,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	177,308,252	186.732.426
Thu hoạt động tài chính khác	4,321,145,415	2.426.203.563
Cộng	11,534,745,780	4.794.067.220

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D29. Chi phí tài chính**

	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
Chi phí lãi vay	22.863.353.983	43.062.852.327
Chi phí giao dịch chứng khoán	9.546.491	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	223.558.594	3.669.821
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(905.363.565)	3.438.515.223
Chi phí tài chính khác	263.572.161	261.651.451
Cộng	22.454.667.664	46.766.688.822

D30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.717.442.886	17.774.437.600
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	6.974.218.269	(5.144.260.622)
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	14.743.224.617	22.918.698.222
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.975.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	590	918

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.975.507	24.975.507
Mua lại làm cổ phiếu trong kỳ	-	-
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.975.507

Giao dịch các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 2/ 2013	Quý 2/ 2012
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức 2012	2.057.850.000	-
		Phải thu cổ tức 2012	2.057.850.000	-
		Nhận HTTC từ công ty LK	5.000.000.000	5.000.000.000
		Chi phí LSDV phát sinh	199.062.500	418.033.634
		Trả lãi SDV cho công ty LK	149.583.333	-
		Cần trừ khoản HTTC và khoản ứng trước mua xe	12.000.000.000	-
		Cần trừ khoản điều	441.486.036	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		chính hóa đơn LSDV		
		Phải trả khoản HTTC và lãi SDV	6.565.625.000	89.686.662.666
		Hoàn trả HTTC và cho Cty LK	-	3.231.370.968
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Thuê MB phát sinh trong kỳ	525.900.000	525.900.000
		Tiền điện phát sinh trong kỳ	197.028.694	99.735.073
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Thuê MB phát sinh trong kỳ	347.633.000	344.575.000
		Tiền điện, nước phát sinh trong kỳ	8.052.723	7.590.795
		Lợi nhuận được chia năm 2012	168.000.000	-
		Phải thu lợi nhuận được chia 2012	168.000.000	-
		HTTC cho cty LK và cty LK đã hoàn trả	-	400.000.000

D31. Giải trình chênh lệch quý II-2013 so với quý II-2012

Chỉ tiêu	Quý 2/2013	Quý 2/2012	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.360.318.683	(25.041.244.235)	37.401.562.918	149.36%
Lợi nhuận khác	18.517.852.851	44.670.539.683	(26.152.686.832)	-58.55%
Thu nhập từ công ty liên doanh, liên kết	(2.110.727.610)	(553.753.541)	(1.556.974.069)	-281.17%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.767.443.924	19.075.541.907	9.691.902.017	50.81%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.717.442.886	17.774.437.600	3.943.005.286	22.18%
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	6.974.218.269	(5.144.260.622)	12.118.478.891	235.57%
Thu nhập sau thuế TNDN thuộc Công ty mẹ.	14.743.224.617	22.918.698.222	(8.175.473.605)	-35.67%

- ❖ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý 2/2013 tăng 37.401 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu do:
- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại dịch vụ của công ty năm nay có dấu hiệu phục hồi và công ty đã tăng cường công tác quản trị, kiểm soát chi phí.
 - Chi phí lãi vay giảm 52% so với cùng kỳ.
 - Chi phí bán hàng giảm 2,24%. Sang quý III/2013, công ty sẽ tiếp tục rà soát tình hình thực hiện chi phí phù hợp hơn.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ❖ Lợi nhuận khác giảm so với cùng kỳ năm 2012 là do thu nhập từ các hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính trong quý II/2013 giảm.
- ❖ Thu nhập từ công ty liên kết quý II/2013 giảm 1.556 triệu đồng tương ứng giảm 281,17% so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu do khoản cổ tức, lợi nhuận chia về từ công ty liên kết, được ghi nhận vào thu nhập hoạt động tài chính, lớn hơn hiệu quả đạt được tại các công ty liên kết trong kỳ, cụ thể:

STT	Diễn giải	Quý 2/2013	Quý 2/2012	Biến động
1	Lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	1.147.217.856	(553.753.541)	1.700.971.397
2	Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong kỳ	3.257.945.466	-	3.257.945.466
3 = 1-2	Lợi nhuận từ công ty liên kết ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ	(2.110.727.610)	(553.753.541)	(1.556.974.069)

- ❖ Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc các cổ đông thiểu số tăng 12.118 triệu đồng tương ứng tăng 235,57% chủ yếu do hệ thống các công ty con kinh doanh trong lĩnh vực ô tô nhãn hiệu Toyota, Ford tăng hiệu quả so với cùng kỳ năm 2012. Song song với việc giảm thu nhập từ hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính của công ty mẹ so với cùng kỳ quý 2/2012 đã làm cho thu nhập sau thuế TNDN thuộc công ty mẹ giảm 8.175 triệu đồng tương ứng giảm 35,67% so với cùng kỳ.

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


 Nguyễn Thanh Phong


 HOÀNG THỊ THẢO


 TẠ PHƯỚC ĐẠT